

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quý Vbà Triệu Thị P, anh Lành Văn T H6 vắng mặt tại phiên hòa giải tuy nhiên đã có văn bản nhất trí với những nội dung các đương sự đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Ông Lý Đại C– Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Thái Nguyên

- Ông Nguyễn Văn H– Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là phường Đ, tỉnh Thái Nguyên)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Đại C: Ông Nguyễn Văn H. Sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là phường Đ, tỉnh Thái Nguyên).

** Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T1– Sinh năm: 1960. Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T2– Sinh năm: 1960.
- Ông Dương Quý V(Có yêu cầu độc lập).
- Bà Triệu Thị P
- Chị Hoàng Thị T3

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên

- Anh Lành Văn T4– Sinh năm: 1978.
- Chị Hoàng Thị T5– Sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Thái Nguyên

- Ủy ban nhân dân huyện N (Trước sáp nhập). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C. Đại diện theo ủy quyền: Ông Sầm V1 T5Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã C4.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Sầm Đ T6– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T14.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Quý VBà Hoàng Thị T6 H1– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T14.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết ngày 30/5/2011 giữa nguyên đơn ông Lý Đại C và ông Nguyễn Văn H1 ông Hoàng Văn T7 bà Nguyễn Thị T8 với các thửa đất:

** Các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AG 853965 ngày 15/3/2008*

** Các thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ số AG 853966 ngày 15/3/2008*

** Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 63, có tổng diện tích là 2.200m². Đã được cấp GCNQSDĐ cho anh Lành Văn T4 và Hoàng Thị T1 gồm:*

- Các thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ số BĐ 812015 ngày 23/6/2011.
- Các thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ số BĐ 812021 ngày 23/6/2011.

** Phần đất dọc con suối trở lên đầu nguồn đến ranh giới chân núi đá.*

** Đất vườn rừng đất soi bãi và cây cối liền kề với đất ruộng có tổng diện tích 25ha.*

2.2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

2.2.1. Ông Hoàng Văn T9 trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lý Đại C1 ông Nguyễn Văn H2 tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*)

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2.2.2. Ông Nguyễn Văn Hồng Lý Đại C2 trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng V2 T3 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ gồm:

- GCNQSDĐ số AG 853965 ngày 15/3/2008
- GCNQSDĐ số AG 853966 ngày 15/3/2008

2.3. Nguyên đơn không yêu cầu hủy các các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

2.3.1. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) do UBND huyện Nấp cho hộ ông Hoàng Văn T7 bà Nguyễn Thị T10:

- GCNQSDĐ số CA 046414 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 144, diện tích 3406,0m²
- GCNQSDĐ số CA 046415 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145, diện tích 2366,8m²
- GCNQSDĐ số CA 046416 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 144, diện tích 445,6m²
- GCNQSDĐ số CA 046418 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 145, diện tích 511,7m².
- GCNQSDĐ số CA 046420 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 145, diện tích 56,0m²
- GCNQSDĐ số CA 046421 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 145, diện tích 449,9m².
- GCNQSDĐ số CA 046419 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 145, diện tích 177,9m².
- GCNQSDĐ số CA 046430 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 145, diện tích 87,0m².

- GCNQSDĐ số CA 046425 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 145, diện tích 144,9m².

- GCNQSDĐ số CA 046424 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 145, diện tích 169,0m².

- GCNQSDĐ số CA 046417 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 145, diện tích 253,0m²

- GCNQSDĐ số CA 046429 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 145, diện tích 165,6m².

- GCNQSDĐ số CA 046426 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 145, diện tích 222,6m².

- GCNQSDĐ số CA 046431 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 145, diện tích 193,8m²

- GCNQSDĐ số CA 046423 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 145, diện tích 363,9m².

- GCNQSDĐ số CA 046413 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 145, diện tích 680,1m².

- GCNQSDĐ số CA 046422 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 145, diện tích 220,2m².

2.3.2. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) do UBND huyện N cho hộ ông Lành Văn T11 bà Hoàng Thị T12;

- GCNQSDĐ số CA 046434 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 145, diện tích 353,9m².

- GCNQSDĐ số CA 046435 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 145, diện tích 45,4m².

- GCNQSDĐ số CA 046433 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 145, diện tích 78,4m².

- GCNQSDĐ số CA 046432 cấp 31/3/2015 đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 145, diện tích 142,0m².

- GCNQSDĐ số CA 046442 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 145, diện tích 82,0m².

- GCNQSDĐ số CA 046440 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, diện tích 128,4m².

- GCNQSDĐ số CA 046441 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 145, diện tích 342,8m².

- GCNQSDĐ số CA 046437 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 145, diện tích 274,6m².

- GCNQSDĐ số CA 046439 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 145, diện tích 83,2m².

- GCNQSDĐ số CA 046436 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 145, diện tích 474,9m².

- GCNQSDĐ số CA 046438 cấp ngày 31/3/2015 đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 145, diện tích 342,5m²

2.4. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/4/2022 giữa ông Dương Quý Vbà Triệu Thị P1 anh Lành Văn T Hoàng Thị T1có hiệu lực, đúng quy định pháp luật. Ông Dương Quý V3 bà Triệu Thị P2 quyền sử dụng các thửa đất đã nhận chuyển nhượng của anh Lành Văn T Hoàng Thị T1theo hợp đồng nêu trên gồm các thửa đất: 28, 29, 30, 31, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 57, cùng tờ bản đồ số 145. Địa chỉ các thửa đất: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Nay là xã C

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H3 ông Lý Đại C3 nguyện chịu 1/3 án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.084.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám tư nghìn đồng*). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Lý Đại C1 ông Nguyễn Văn H4 nộp theo theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án:

Biên lai thu số 0001710 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (Trước sáp nhập)

Biên lai thu số 0001711 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn (Trước sáp nhập)

Ông Lý Đại C1 ông Nguyễn Văn H5 phải nộp 1.484.000 đồng (*Một triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn ông Hoàng Văn T13 nguyện chịu 1/3 án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.083.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng*). Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quý V4 nguyện chịu 1/3 án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.083.000 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng*). Ông Dương Quý V5 miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Thị Thúy